

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 18
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 01/2026/QĐST-VDS

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 5 năm 2026

Ngày: 11 - 5 - 2026

V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 18 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc hôn nhân gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Lại Thị Ngọc Bích - Thẩm phán.

Thư ký phiên họp: Bà Đặng Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Ông Nguyễn Văn Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 292/TLST-VDS Ngày 02 tháng 4 năm 2026 về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc hôn nhân số 18/2026/QĐST-VHN ngày 28 tháng 4 năm 2026, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân:

1. Bà **Tăng Kim N**, sinh năm 1989; đăng ký thường trú: **Số A Đ, khu phố A, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh**; địa chỉ tạm trú: **C lô A Nhà ở xã H, khu phố F, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh**;

2. Ông **Đường Khả H**, sinh năm 1983; đăng ký thường trú: **Số F đường P, khu phố B, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh**; địa chỉ tạm trú: **C lô A Nhà ở xã H, khu phố F, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh**.

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:

Theo Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn cũng như quá trình tham gia tố tụng và tại phiên họp bà **Tăng Kim N** và ông **Đường Khả H** trình bày:

Về hôn nhân: Ông **Đường Khả H** và bà **Tăng Kim N** sau thời gian tìm hiểu thì quyết định tổ chức đám cưới và tự nguyện đến đăng ký kết hôn với nhau tại **UBND phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh** vào ngày 07/7/2016. Quá trình chung sống thời gian đầu thì cuộc sống vợ chồng diễn ra hạnh phúc. Tuy nhiên khoảng từ

đầu năm 2022 thì giữa vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm với nhau về rất nhiều vấn đề trong cuộc sống, từ vấn đề tình cảm, con cái, cha mẹ hai bên ... khoảng năm 2023 thì vợ chồng cũng đã làm đơn ly hôn nhưng sau đó lại hàn gắn quay lại với nhau. Tuy nhiên cuộc sống chung của vợ chồng sau đó vẫn không khá lên, vẫn xảy ra mâu thuẫn thường xuyên và càng lúc càng trầm trọng hơn. Mặc dù vợ chồng cũng đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả. Nay ông **H** và bà **N** nhận thấy vợ chồng đã không còn tình cảm dành cho nhau nữa nên tôi quyết định ly hôn với nhau để giải thoát cho cả hai.

Về con chung: Quá trình chung sống, giữa hai bên không có con chung nên không yêu cầu giải quyết

Về tài sản chung và nợ chung: **H** và bà **N** không tranh chấp, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên họp:

- Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ việc:

+ Về tố tụng: Thẩm phán và Thư ký đã tuân theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết việc dân sự kể từ khi thụ lý cho đến khi mở phiên họp hôm nay; đương sự đã chấp hành pháp luật tốt kể từ khi thụ lý cho đến khi mở phiên họp hôm nay.

+ Về nội dung: Yêu cầu của **Đường Khả H** và bà **Tăng Kim N** về công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp, có cơ sở chấp nhận, đề nghị Tòa án chấp nhận đơn yêu cầu của ông **H** và bà **N**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc hôn nhân được thẩm tra tại phiên họp và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Ông **Đường Khả H** và bà **Tăng Kim N** yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn. Đây là việc dân sự theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Ông **H** và bà **N** đều cùng có địa chỉ cư trú tại **xã P, Thành phố Hồ Chí Minh** nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu của ông **Đường Khả H** và bà **Tăng Kim N** thì thấy:

Về hôn nhân: Ông **Đường Khả H** và bà **Tăng Kim N** đều thừa nhận có tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau tại **UBND phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh** vào ngày 07/7/2016 nên hôn nhân giữa bà **N** và ông **H** là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, giữa ông **H** và bà **N** đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm với nhau, hai bên cũng đã cố gắng hàn gắn quan hệ hôn nhân nhưng không

đạt kết quả, vợ chồng đã không còn chung sống với nhau từ năm 2023 cho đến nay. Quá trình thụ lý yêu cầu, Toà án đã tiến hành hoà giải đoàn tụ cho ông **H** và bà **N** nhưng vẫn không thành. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà **N** và ông **H** đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông **H** và bà **N** là có căn cứ chấp nhận.

Về con chung: Ông **Đường Khả H** và bà **Tăng Kim N** đều thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng không có con chung, không yêu cầu nên Toà án không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với các quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[3] Về lệ phí: Ông **Đường Khả H** và bà **Tăng Kim N** phải nộp theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29; điểm a khoản 2 Điều 35; điểm h khoản 2 Điều 39; Điều 370, Điều 371, Điều 372; Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 22 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 35, khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu của ông **Đường Khả H** và bà **Tăng Kim N** về việc công nhận thuận tình ly hôn.

Về hôn nhân: Ông **Đường Khả H** và bà **Tăng Kim N** đồng ý thuận tình ly hôn.

Về con chung: Ông **Đường Khả H** và bà **Tăng Kim N** đều thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng không có con chung, không yêu cầu nên Toà án không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc hôn nhân và gia đình: Ông **Đường Khả H** và bà **Tăng Kim N** phải nộp mỗi người số tiền 150.000 đồng. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ông **H** và bà **N** đã nộp tại các biên lai số 0018528 và 0018526 cùng ngày 26/3/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. **H1** lại cho ông **H** và bà **N** mỗi người 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND KV18-TP.HCM;
- VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự TP.HCM;
- UBND phường ĐaKao, này là phường Tân Định, TP.HCM
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Lại Thị Ngọc Bích